

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 3 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thúy K; Sinh năm 1981; Cư trú tại: ấp Tân H, xã Tân T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn* Anh Tr; Sinh năm 1980; Cư trú tại: ấp Tân H, xã Tân T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị K trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Võ Thúy K chung sống với anh Tr năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T vào ngày 16/8/2007. Sau khi kết hôn cùng nhau chung sống ở Tân H, Tân T, khi đi làm ở Đồng Nai thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi, anh Trúc có đánh chị một lần làm va vào cánh cửa bị thương ở đầu, ngoài ra anh còn hăm dọa, đe dọa chị nhiều lần về việc dùng dao gây thương tích. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay là do anh Trúc có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, nhiều lần bị chị bắt gặp, anh Trúc có hứa hẹn nhưng không bao giờ thay đổi, hiện tại anh Trúc đi làm kinh tế đều không phụ giúp nuôi con và lo cuộc sống gia đình mà chỉ chung sống với người phụ nữ khác, kinh tế thu nhập của vợ chồng đều làm riêng, không ai chăm lo cho cuộc sống của ai. Nay chị xét thấy không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh Trúc.

- Về con chung: Có 03 con chung Trương Yến Nh, sinh ngày 01/01/1997; Trương Thảo D, sinh ngày 12/7/2003; Trương Trường D1, sinh ngày 09/01/2007. Hiện đang sinh sống chung với gia đình. Sau khi ly hôn, cháu Nh1 và cháu Vy trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Trường Duy có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Tr trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn là ngày 14/12/1996 âm lịch, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn như chị K trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Trúc xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, vài tháng trước anh thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng hiện tại anh đã sửa đổi và cắt đứt quan hệ tình cảm với người này, không còn liên lạc. Ngoài ra vào năm 2017, anh có đánh chị K một lần, do chị K sáng sớm đã dùng lời lẽ mắng chửi anh nên anh dùng chân đạp vào đầu gối chị K đang ngồi làm chị K ngã ra và đầu va vào cánh cửa bị thương. Ngoài ra anh cũng có dùng lời lẽ hăm dọa chị K trong lúc nóng giận chứ không làm gì chị K. Quá trình đi làm anh có nhậu và đi chơi bạn bè, chị K về gay gắt, chửi mắng nên anh tức giận. Vợ chồng ly thân nhau từ ngày 15/01/2023 âm lịch đến nay. Hiện tại anh vẫn còn thương vợ con và không muốn ly hôn. Do đó, anh yêu cầu Tòa án hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị K.

- Về con chung: Thống nhất ý kiến của chị K về con chung. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu Trường Duy, cháu Nhi và Thảo Duy trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Võ Thúy K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị K và anh Trúc chung sống vào năm 1996, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị K và anh Trúc xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, anh Trúc có đánh chị K bị thương ở đầu, ngoài ra anh Trúc còn dùng lời lẽ hăm dọa sẽ dùng dao gây thương tích cho chị K, đồng thời anh Trúc còn có mối quan hệ tình cảm bên ngoài. Đối chiếu các quy định pháp luật về việc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tính đến hiện tại, anh chị ly thân nhau từ ngày 15/01/2023 âm lịch đến nay nhưng không có biện pháp hàn gắn để tiếp tục chung sống, Mặc

dù anh Trúc xác định việc đánh chị K do chị K chửi anh, đồng thời mối quan hệ tình cảm bên ngoài của anh không còn tiếp diễn và anh chỉ hăm dọa chứ không có hành động gì với chị K. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhiều lần đều được anh chị thừa nhận, mặc dù việc anh Trúc có quan hệ tình cảm bên ngoài đã được chị K tha thứ về chung sống nhưng mối quan hệ hôn nhân tiếp tục xảy ra bất đồng và không hàn gắn được, anh Trúc không đồng ý ly hôn nhưng hiện tại không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, trong khi chị K xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng anh Trúc, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị K được ly hôn với anh Trúc là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Trúc yêu cầu được nuôi cháu Trường Duy, chị K yêu cầu theo nguyện vọng của con chung. Xét thấy, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện tại cháu Trường Duy sống cùng mẹ và cháu Duy cũng có nguyện vọng tiếp tục sống cùng chị K. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Trường Duy cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Yến Nhi và Thảo Duy trưởng thành không yêu cầu xem xét.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị K và anh Tr xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Các vấn đề khác: Chị K và anh Tr xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thúy K.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thúy K được ly hôn anh Tr.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trương Trường D, sinh ngày 09/01/2007 cho chị Võ Thúy K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thúy K phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013654 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc